

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 08/MN/2022

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: Công Ty TNHH Hồng Hạnh.

Địa chỉ: ...Tổ 23, thôn Hòn Nghê, xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang, Khánh Hòa.....

Điện thoại: ...0983 389 140..... Fax: .....

E-mail: congtyhonghanhnt@gmail.com.....

Mã số doanh nghiệp: ...4200736651.....

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 03/GCNATTP-SCT

Ngày Cấp/Nơi cấp: 13/01/2020 tại SỞ CÔNG THƯƠNG – KHÁNH HÒA

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: ....KEM KHOAI MÔN- NHÃN HIỆU MONIS

2. Thành phần: Nước, đường kính trắng, đường mạch nha, bột sữa béo, bột sữa gầy, nước cốt dừa, bột kem không sữa, maltodextrin, dextrose, bột năng, bơ thực vật, dầu thực vật, cơm dừa, muối ăn, chất ổn định (E471,E466,E415,E412), hương thực phẩm tổng hợp, màu thực phẩm(E124,E133).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: .....12 tháng.....

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: túi nhựa thực phẩm - OPP/MCPP

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)**

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Theo tiêu chuẩn cơ sở (TCCS), TCVN 7402:2019
2. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm: QCVN 8-3: 2012/BYT
3. Thông tư số 24/2019/TT-BYT: Quy định về việc quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
4. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm: QCVN 8-2:2011/BYT

Cụ thể như sau:



100



| STT                                                                          | Yêu cầu kỹ thuật                          | Đơn vị tính | Mức quy định tối đa | Mức đăng kí chất lượng                 |
|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------|---------------------|----------------------------------------|
| <b>Chỉ tiêu cảm quan: phù hợp TCCS</b>                                       |                                           |             |                     |                                        |
| 1                                                                            | Trạng thái                                |             | TCCS                | Đông lạnh                              |
| 2                                                                            | Màu sắc                                   |             | TCCS                | Tím nhạt như củ khoai môn              |
| 3                                                                            | Mùi Vị                                    |             | TCCS                | Béo, ngọt, thơm mùi như khoai môn chín |
| <b>Chỉ tiêu ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm theo QCVN: 8-3: 2012/BYT</b> |                                           |             |                     |                                        |
| 1                                                                            | Enterobacteriaceae                        | CFU/g       | $10^2$              | $\leq 10^2$                            |
| 2                                                                            | Salmonella                                | CFU/g       | Không phát hiện     | Không phát hiện                        |
| <b>Thông tư số 24/2019/TT-BYT</b>                                            |                                           |             |                     |                                        |
| 1                                                                            | Mono và diglycerid của các acid béo (471) | mg/kg       | GMP                 | $\leq 3000$                            |
| 2                                                                            | Carboxy Methyl Cellulose (466)            | mg/kg       | GMP                 | $\leq 3000$                            |
| 3                                                                            | Guar gum (412)                            | mg/kg       | GMP                 | $\leq 2000$                            |
| 4                                                                            | Xathan gum (415)                          | mg/kg       | GMP                 | $\leq 2000$                            |
| 5                                                                            | Caragenaan (407)                          | mg/kg       | GMP                 | $\leq 2000$                            |
| 6                                                                            | Ponceau (124)                             | mg/kg       | 150                 | $\leq 50$                              |
| 7                                                                            | Brilliant Blue (133)                      | mg/kg       | 150                 | $\leq 50$                              |
| 8                                                                            | Hương thực phẩm tổng hợp                  | mg/kg       | TCCS                | $\leq 5000$                            |
| <b>Hàm lượng kim loại trọng thực phẩm theo QCVN 8-2:2011/BYT</b>             |                                           |             |                     |                                        |
| 1                                                                            | Hàm lượng Chì (Pb)                        | mg/kg       | $\leq 0,02$         | $<0,02$                                |
| 2                                                                            | Hàm lượng Cadimi (Cd)                     | mg/kg       | $\leq 1$            | $<1$                                   |
| 3                                                                            | Hàm lượng Asen (As)                       | mg/kg       | $\leq 0,5$          | $<0,5$                                 |
| 4                                                                            | Hàm lượng Thủy ngân (Hg)                  | mg/kg       | $\leq 0,05$         | $<0,05$                                |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.



**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Văn Minh*

200mm

10

180

10

160mm

10

35

70

35

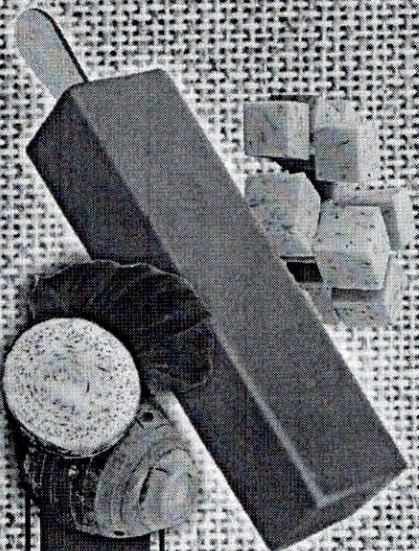
10



Sản phẩm được sản xuất tại Công Ty TNHH Hồng Hạnh  
Địa chỉ: Tổ 23, Thôn Hòn Nghệ, Xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, Khánh Hòa.  
Điện thoại: 0258 383 1871 - 0983 389 140  
Website: [www.kemmonis.com](http://www.kemmonis.com)  
Số tự CB sản phẩm: 08/MN/2022 | GCNCSPDK số: 03/GCNATTP-SCT



**KEM  
KHOAI MÔN**



Taro  
Ice-cream

KEM DIỀU  
truyền thống

**Thành phần:** Nước, đường kính trắng, đường mạch nha, bột sữa béo, bột sữa gầy, nước cốt dừa, bột kem không sữa, maltodextrin, dextrose, bột năng, bơ thực vật, dầu thực vật, cơm dừa, muối ăn, chất ổn định (E471, E466, E415, E412), hương thực phẩm tổng hợp, màu thực phẩm (E124, E133).  
**Bảo quản:** Đông lạnh thấp hơn -18°C hoặc trong ngăn đá tủ lạnh.  
**Hướng dẫn sử dụng:** Kèm thực phẩm ăn liền sau khi mở bao bì.  
**NSX:** in trên bao bì - **HSD:** 12 tháng. **Thể tích thực:** 65 ml

8 936180 530728





SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH  
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH  
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



VIMCERTS  
147

Mã số mẫu/ Sample code  
BN32208.30075244  
MM32208.300752446

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01  
Ngày/ Date: 20/09/2022

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH HỒNG HẠNH  
Địa chỉ/ Address : TỔ 23 THÔN HÒN NGHÊ, XÃ VĨNH NGỌC, THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA  
Tên mẫu/ Name of sample : KEM KHOAI MÔN NHÃN HIỆU MONI'S  
Số lượng/ Quantity : 1  
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong hộp nhựa kín.  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 30/08/2022  
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 13/09/2022

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/<br>Result | Phương pháp/<br>Test method |
|------------|-------------------------------------|----------------------|--------------------|-----------------------------|
| 1          | Enterobacteriaceae                  | CFU/g                | < 10               | ISO 21528-2:2017 (*)        |
| 2          | Salmonella spp.                     | /25g                 | Không phát hiện    | TCVN 8342:2010 (*)          |

(\*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/  
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/  
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Th.S. Lương Sơn Tùng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 14248 Quyển số SCT/BS

Ngày 23 tháng 09 năm 2022

PHÒNG VINCING MINH DANGHAI VINH HAI



Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE

Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/  
Not fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

V SỞ CHÍNH  
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM  
18001105

(84.28) 3911 7216  
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ  
(9) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ  
(84.292) 3918217 - 3918 218  
kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ;  
ketoancantho@case.vn  
case.com.vn

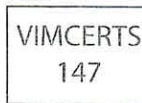
VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(9) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa  
(84.258) 246 5255  
(84.258) 246 5355  
vanphongmien trung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH  
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH  
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



|                                                                 |                                                 |                                              |
|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Mã số mẫu/ Sample code<br>BN32208.30075244<br>MM32208.300752446 | <b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>TEST REPORT</b> | BMKD 03/1 - LBH 01<br>Ngày/ Date: 20/09/2022 |
|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH HỒNG HẠNH**  
Địa chỉ/ Address : **TỔ 23 THÔN HÒN NGHÊ, XÃ VĨNH NGỌC, THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**  
Tên mẫu/ Name of sample : **KEM KHOAI MÔN NHÃN HIỆU MONI'S**  
Số lượng/ Quantity : **1**  
Mô tả mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong hộp nhựa kín.**  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **30/08/2022**  
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **13/09/2022**

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/<br>Result             | Phương pháp/<br>Test method                                                                         |
|------------|-------------------------------------|----------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | As                                  | mg/kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 0,01 | AOAC 986.15 (*)                                                                                     |
| 2          | Cd                                  | mg/kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 0,02 | CASE.TN.0018 (Ref.<br>AOAC 999.11) (*)                                                              |
| 3          | Hg                                  | mg/kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 0,01 | CASE.TN.0141 (EPA<br>Method 7473 Manual MA<br>3000 – hãng NIPPON<br>Instruments corporation)<br>(*) |
| 4          | Pb                                  | mg/kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 0,02 | CASE.TN.0018 (Ref.<br>AOAC 999.11) (*)                                                              |

(\*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/  
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

**HỮNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 247 Quyền số: SCT/BS  
Ngày: 23 tháng 09 năm 2020  
PHÓ CHỦ TỊCH HỮNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH



*Trần Thị Thảo*

*Nguyễn Hoàng Ngọc Hân*

KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE

Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ Not fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

**Trần Thị Thảo**

VP SỐ CHÍNH: CN CÁN THO  
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM  
18001105  
(84.28) 3911 7216  
casehcm@case.vn  
F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC S86, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ  
(84.292) 3918217 - 3918 218  
kinhdoanhcantho@case.vn; nhanmaucantho@case.vn;  
ketoancantho@case.vn  
case.com.vn  
VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG  
(9) STH278, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa  
(84.258) 246 5255  
(84.258) 246 5355  
vanphongmientrung@case.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

**SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA  
CHỨNG NHẬN**

**Cơ sở: CÔNG TY TNHH HỒNG HẠNH**

**Loại hình sản xuất: Kem và sữa chua**

**Chủ cơ sở: Nguyễn Văn Minh**

**Địa chỉ sản xuất: Tổ 23, thôn Hòn Nghê, xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha  
Trang, tỉnh Khánh Hòa**

**Điện thoại: 0983389140**

**Fax:**

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH**

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 01 năm 2020

Số cấp: 03/GCNATTP-SCT,  
Giấy chứng nhận có hiệu lực  
đến ngày 12/01/2023

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực..... Quyển số.....

Ngày..... tháng..... năm 20.....

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG VINH LẠI**

Trần Văn Ngoạn



**Trần Thị Thảo**